

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2021/DS -ST**
Ngày: 28/9/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách
Ông Phạm Văn Khuyến
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST - DS ngày 16 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS ngày 09/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1955; (có mặt)
 - Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Bà Mai Thị H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Do quen biết nên bà có cho vợ chồng ông L, bà H vay 02 lần, cụ thể: Lần 1: Đầu năm 2019 (không nhớ rõ ngày) cho vay 25 triệu đồng hẹn đến ngày 28/12/2019 âm lịch (ngày 28 tết) trả.

Lần 2: Vay số tiền 10 triệu đồng vào khoảng tháng 02/2019 (không nhớ rõ), để làm tin bà có giữ sổ hộ khẩu của ông L và cam kết đến ngày 04/6/2019 trả lại tiền.

Việc vay 02 khoản tiền trên thì ông L, bà H có viết giấy tay và giấy cam kết trả

nợ ký xác nhận vay tiền của bà.

Do ông L, bà H không trả nên vào tháng 5/2020, em trai ông L là ông Th có giao căn nhà cấp 4 của ông L để bà thuê được 12 tháng (từ tháng 5/2020 đến tháng 5/2021) với số tiền 300.000 đồng/tháng, tổng là 3.600.000 đồng, bà tự nguyện trừ vào số nợ gốc nên ông L, bà H còn nợ lại 31.400.000 đồng, bà khởi kiện yêu cầu ông L, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền này, về lãi phát sinh bà không yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông là em trai của ông Nguyễn Văn L, còn bà Mai Thị H là chị dâu. Ông L có nhờ ông trông coi căn nhà cấp 4 tại thôn 9, xã L, vào tháng 5/2020 ông có giao lại nhà cho bà H để cho thuê lấy tiền trừ nợ của ông L, bà H. Còn việc ông L nợ bà H bao nhiêu thì ông không rõ.

- Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn bà H đề nghị Tòa án buộc ông L, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay 31.400.000 đồng. Không yêu cầu trả lãi.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của bị đơn, ông L, bà H. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L, bà H liên đới trả cho bà H số tiền đã vay là 31.400.000 đồng. Về lãi không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí buộc ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H liên đới phải chịu theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H có địa chỉ tại: Thôn 9, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H.

Bị đơn không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Xét thấy, “Giấy vay tiền” (bút lục 05) và “Giấy cam kết trả tiền” đề ngày 28/12/2019 âm lịch (bút lục 04) đã được bà H và ông L, bà H ký kết bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đúng quy định tại các Điều 116, 117, 119 và 120 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định pháp luật.

Theo nội dung “Giấy vay tiền” (bút lục 05) “Giấy cam kết trả tiền” đề ngày 28/12/2019 âm lịch (bút lục 04) thể hiện ông L, bà H có vay số tiền bà H 02 khoản tiền cụ thể là 10.000.000 đồng và 25.000.000 đồng, tổng cộng 35.000.000 đồng. Khi vay số tiền 10.000.000 đồng thì bà H có giữ Sổ Hộ khẩu số 100126201 ngày 12/5/2012 và Chứng minh nhân dân số 285288076 mang tên ông Nguyễn Văn L và hẹn đến ngày 04/6/2019 trả, còn vay số tiền 25.000.000 đồng không thể chấp, hẹn đến cuối năm 2019 âm lịch (tết) trả.

Quá trình vay thì ông L, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả như thỏa thuận. Đến ngày 20/5/2020, ông L có giao nhà tại thôn 9, xã L cho bà H để cho thuê để trừ vào số tiền cho vay, việc giao nhà có lập thành văn bản và có xác nhận của ông Nguyễn Văn Th (em ông L), bà H đã cho thuê được 01 năm (từ tháng 5/2020 đến tháng 5/2021) là 3.600.000 đồng và tự nguyện trừ vào số nợ gốc của ông L, bà H. Như vậy, số tiền ông L, bà H còn nợ lại bà H là 31.400.000 đồng, do ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo thỏa thuận nên cần buộc ông L, bà H có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền này, do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận. Về tiền lãi: Nguyên đơn bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân mang tên ông L thì bà H có nghĩa vụ trả lại khi ông L, bà H thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà H không phải chịu. Bị đơn ông L, bà H có nghĩa vụ liên đới phải chịu 1.570.000 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 209, 313, 463; 466; 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc 31.400.000 đồng (*Ba mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H sổ Hộ khẩu số 100126201 ngày 12/5/2012 và Chứng minh nhân dân số 285288076 đứng tên ông Nguyễn Văn L.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Văn L, bà Mai Thị H liên đới phải chịu 1.570.000 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*).

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND Huyện P ;
- Chi cục THA huyện P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường